TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2022/DSST
Ngày: 02-12-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Văn Nhất

- Bà Hà Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/DSST ngày 27 tháng 05 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022. Quyết định hoãn phiên Tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 và thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm số 01/2022/TB – TA ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng

Địa chỉ: Lô 05+06 đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Chí Th, Lê Thế Đ, Lê Ngọc V

Là: chuyên viên xử lý nợ VP Bank. (vắng mặt có lý do)

Đồng Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1987

Bà Ngô Thị B, sinh năm 1991

Đều trú tại: Bản E, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th.

(Đồng bị đơn đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí Th trình bày như sau:

Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng (VPBank) chi nhanh Thanh Hóa, địa chỉ: số 05+06 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo 03 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1, Hợp đồng tín dụng số: LN1907221543091 ngày 25/07/2019 Số tiền vay: 1.522.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn). Thời hạn vay: 120 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Bên vay trả nợ gốc cho bên Ngân Hàng theo định kỳ 1 tháng/ lần. Tổng cộng 120 kỳ, mỗi kỳ bên vay thanh toán số tiền: 12.690.000 đồng vào ngày 19 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 19/08/2019, riêng kỳ cuối phải trả số tiền: 11.890.000 đồng. Bên vay trả nợ lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/ lần vào ngày 19 hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 12,0%/ năm. Mức lãi suất được cố định trong vòng 03 tháng từ ngày giải ngân. Hết 03 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, theo mức điều chỉnh bằng Lãi suất cơ sở của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,8%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Tài sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số: 44, tờ bản đồ: 169, địa chỉ thửa đất: Bản E, xã Th, huyện Q, tỉnh Th (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 704480; số vào sổ cấp GCN: H00505 Quyết định số: 971/QĐ-UBND do UBND huyện Q, tỉnh Th cấp ngày 25/06/2019 thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B) theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/01 ký ngày 24/07/2019 số công chứng 7318 quyển số 03/ 2019TP/CC –SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh, Thanh Hóa.

Tài sản 2: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số: 45, tờ bản đồ: 169, địa chỉ thửa đất: Bản E, xã Th, huyện Q, tỉnh Th (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 704482; số vào sổ cấp GCN: H00506 Quyết định số: 974/QĐ-UBND do UBND huyện Q, tỉnh Th cấp ngày 25/06/2019 thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B) theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/02 ký ngày 24/07/2019, số công chứng 7319 quyển số 03/2019TP/CC –SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh, Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 19/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 28/05/2022, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã thanh toán cho VPBank số tiền: Nợ gốc:177.660.000 đồng. Nợ lãi: 220.219.436 đồng. Tổng cộng: 397.879.436 đồng. Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B còn nợ VPBank số tiền là: Nợ gốc: 1.344.340.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 46.106.997 đồng. Nợ lãi quá hạn: 388.928.539 đồng. Lãi chậm trả: 79.203.287 đồng. **Tổng cộng: 1.858.578.823 đồng.*(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng).***

2, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay và phát hành thẻ ngày 12/09/2019: Số tiền vay: 159.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn).Thời hạn vay: 48 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Niên Kim đều. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 20,0%/ năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định VPBank. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 19/10/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 28/05/2022, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã thanh toán cho VPBank số tiền: Nợ gốc: 28.788.952 đồng. Nợ lãi: 30.129.748 đồng. Tổng cộng: 58.918.700 đồng. Ông Nguyễn Hữu Ng, bà Ngô Thị B còn nợ VPBank số tiền là: Nợ gốc:130.211.048 đồng. Nợ lãi trong hạn: 6.810.743 đồng.Nợ lãi quá hạn: 56.401.067 đồng. Lãi chậm trả: 16.809.407 đồng. **Tổng cộng: 210.232.265 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm mười triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng).***

3, Giấy đề nghị vay vốn và phát hành thẻ ngày 15/07/2019**:** Số tiền vay: 75.100.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn). Các kỳ hạn trả nợ: Niên Kim đều. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 36,0%/ năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định VPBank. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 19/02/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 28/05/2022, Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B đã thanh toán cho VPBank số tiền: Nợ gốc: 1.365.081 đồng. Nợ lãi: 2.634.919 đồng. Tổng cộng: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)**.** Ông Nguyễn Hữu Ng bà Ngô Thị B còn nợ VPBank số tiền là: Nợ gốc: 73.734.919 đồng. Nợ lãi trong hạn 2.847.381 đồng. Nợ lãi quá hạn: 36.847.921 đồng.Lãi chậm trả: 0 đồng. **Tổng cộng: 113.430.221 đồng. *(Bằng chữ: Một trăm***

mười ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng).

Hiện nay trong quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện hợp pháp của ngân hàng VPBank xác định tổng số tiền ông Ng và bà B đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 28/05/2022 là: Gốc đã nộp: 207.814.033 đồng. Lãi đã nộp: 252.984.103 đồng. **Tổng cộng *(gốc + lãi)*: 460.798.136 đồng. (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng).***

Số tiền ông Ng và bà B còn nợ Ngân hàng VPBank tính đến ngày 28/05/2022 là: **2.182.241.309 đồng *(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng)*** cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn: 1.548.285.967 đồng. Nợ lãi trong hạn: 55.765.121 đồng. Nợ lãi quá hạn: 482.177.527 đồng. Lãi phạt chậm trả lãi: 96.012.694 đồng.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B:

1, Thanh toán tổng số tiền là: 2.182.241.309 đồng *(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng). Do ông Ng và bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc các bị đơn thanh toán số tiền* 2.182.241.309 đồng *(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng*) một lần, thi hành ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu ông Ng và bà B phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày 29/5/2022 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2, Nếu trong trường hợp ông Ng và bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/01 ký ngày 24/07/2019 số công chứng 7318 quyển số 03/ 2019TP/CC –SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh, Thanh Hóa đối với tài sản số 1 và theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/02 ký ngày 24/07/2019, số công chứng 7319 quyển số 03/2019TP/CC –SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Thạnh, Thanh Hóa đối với tài sản số 02 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3, Nếu số tiền thu được từ việc xử lý 02 tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B để thu hồi nợ theo quy định.

4, Về án phí và chi phí tố tụng yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa.

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí và chi phí Tố tụng: ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng căn cứ Hợp đồng tín dụng số: LN1907221543091 ngày 25/07/2019, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay và phát hành thẻ ngày 12/09/2019, Giấy đề nghị vay vốn và phát hành thẻ ngày 15/07/2019 và quá trình thanh toán tiền của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B để khởi kiện yêu cầu ông Ng và bà B thanh toán số tiền 2.182.241.309 đồng *(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng)* do vậy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Đồng bị đơn ông Ng và bà B có hộ khẩu thường trú tại bản E, xã Ph, huyện Q. Tuy nhiên ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B qua xác minh tại công an xã Ph, huyện Q, tỉnh T hiện nay ông Ng và bà B không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành Tống đạt và niêm yết công khai hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa tuy nhiên đồng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao, khoản 4 Điều 91 BLTTDS 2015 do vậy Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

[2] Ông Nguyễn Chí Th (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B (là đồng bị đơn trong

vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 (hai) những vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên nhất trí xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, đề nghị HDXX tiếp tục xét xử. Không ai có ý kiến gì về việc vắng mặt của đương sự. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí Th yêu cầu ông Ng và bà B thanh toán số nợ của ba hợp đồng tín dụng là: **2.182.241.309 đồng** ***(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng)***. Trong đó Nợ gốc quá hạn: 1.548.285.967 đồng. Nợ lãi trong hạn: 55.765.121 đồng. Nợ lãi quá hạn: 482.177.527 đồng. Lãi phạt chậm trả lãi: 96.012.694 đồng.

Đối với số tiền nợ gốc tính đến ngày 28/5/2022 tổng số tiền mà ông Ng bà B đã trả cho Ngân hàng VPBank là: 207.814.033 đồng (hai trăm linh bảy triệu tám trăm mười bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Phía Ngân hàng yêu cầu ông Ng và bà B phải thanh toán số nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng cụ thể là: Hợp đồng tín dụng số: LN1907221543091 ngày 25/07/2019 số tiền nợ gốc là: 1.344.340.000 đồng ; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay và phát hành thẻ ngày 12/09/2019 số tiền nợ gốc là: 130.211.048 đồng ; Giấy đề nghị vay vốn và phát hành thẻ ngày 15/07/2019 là: tạm tính đến ngày 28/5/2022 số tiền nợ gốc là 73.734.919 đồng. Tổng số tiền nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng Ngân hàng yêu cầu ông Ng bà B trả là: 1.548.285.967 đồng (một tỉ năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử 02/12/2022 ông Nguyễn Hữu Ng, bà Ngô Thị B còn nợ của VP Bank tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của 3 hợp đồng là: ***2.414.572.497 đ (Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm chín bảy đồng).***

Đối với yêu cầu về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay tiền các bên có thỏa thuận mức lãi suất dao động áp dụng theo từng thời kỳ. Căn cứ vào Điều 91 Luật Tổ chức Tín dụng năm 2010 có quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất. Xét thấy sau khi vay tiền ông Ng và bà B có thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, tuy nhiên kể từ thời điểm ngày 19/10/2020 đối với Hợp đồng tín dụng số: LN1907221543091 ngày 25/07/2019 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay và phát hành thẻ ngày 12/09/2019, kể từ ngày 19/02/2021 đối với Giấy đề nghị vay vốn và phát hành thẻ ngày 15/07/2019 cho đến nay ông Ngọc và bà Bằng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như tiền lãi. Do đó, phía Ngân hàng yêu cầu ông Ng bà B thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ

của ba hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28/5/2022 là: 633.955.342 đồng (sáu trăm ba muôi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 55.765.121 đồng. Nợ lãi quá hạn: 482.177.527 đồng. Lãi phạt chậm trả lãi: 96.012.694 đồng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B là hoàn toàn hợp pháp, việc vay vốn, thế chấp đều được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là có căn cứ được HĐXX chấp nhận. Từ đó cần buộc ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B thanh toán cho Ngân hàng VPBank nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2022 của 03 hợp đồng tín dụng là 2.182.241.309 đồng *(Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm lẻ chín đồng).* Trong đó nợ gốc là: 1.548.285.967 đồng (một tỉ năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi là: 633.955.342 đồng (sáu trăm ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Tính đến ngày xét xử 02/12/2022 ông Nguyễn Hữu Ng, bà Ngô Thị B còn nợ của VP Bank tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của 3 hợp đồng là: ***2.414.572.497 đ (Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm chín bảy đồng).***

Do ông Ng và bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía Ngân hàng yêu cầu ông Ng và bà B thanh toán nợ gốc và nợ lãi một lần, thi hành ngày sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu trong trường hợp ông Ng và bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/01 ký ngày 24/07/2019 và Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/02 ký ngày 24/07/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý 02 tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B để thu hồi nợ theo quy định. HĐXX nhận thấy Tài sản thế chấp đã được đăng ký bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Tài sản thế chấp không có tranh chấp với ai, không liên quan đến người thứ ba. Do vậy hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/01 và LN1907221543091/02 đều ký ngày 24/7/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của Ngân hàng trong trường hợp ông Ng và bà B không thực hiện được

nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Ngoài ra, kể từ ngày 03/12/2022 ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn đã nộp án phí và tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000 (ba triệu đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 158 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 BLDS năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) đối với đồng bị đơn là ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B.

Buộc ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 02/12/2022 là: 1.548.285.967 đồng (một tỉ năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi: trong hạn: 55.765.121đ, nợ lãi quá hạn: 649.541.025đ, nợ lãi chậm trả: 160.980.384đ phát sinh tạm tính đến ngày 02/12/2022 là: 866.286.530 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng) cho Ngân hàng VPBank.

Tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ***là: 2.414.572.497đ (Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm chín bảy đồng).***

Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 03/12/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại ba hợp đồng tín dụng đã ký với VPBank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu trong trường hợp ông Ng và bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B theo Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/01 ký ngày 24/07/2019 và Hợp đồng thế chấp số LN1907221543091/02 ký ngày 24/07/2019, đối với tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng VPBank số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng) chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Ng và bà Ngô Thị B phải nộp 80.291.450 đ (Tám mươi triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.619.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0012753 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quan Hóa.

4.Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự cso quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú của đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Nhất **Hà Thị Yến** **Lữ Thị Mai**

Nơi nhận:
-Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Thị Mai